TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Số: 07/2019/DS-ST
Ngày: 24/4/2019.
V/v " Tranh chấp Hợp đồng mua bán".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Nguyệt.
2. Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Chau Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa*:** Bà Trầm Ngọc Minh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2019/TLST-DS, ngày 12 tháng 3 năm 2019 về: *"Tranh chấp Hợp đồng mua bán",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXX- DS ngày 01 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông Lâm Phong P, sinh năm: 1984; cư trú: Tổ 01, khóm AH B, thị trấn BC, huyện TT, An Giang.

Đại diện theo ủy quyền cho ông P là ông Lâm Văn S, sinh năm: 1941; cùng địa chỉ cư trú (Văn bản ủy quyền ngày 10/4/2019 của UBND thị trấn TT).

2. Đồng bị đơn:

2.1 Ông Trần Văn Si, sinh năm: 1957;

2.2 Bà Huỳnh Thị Bé Sa, sinh năm: 1959;

2.3 Anh Trần Phước L, sinh năm: 1989;

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 29, ấp TA, xã LT, huyện TT, tỉnh An Giang.

(Các ông S, Si, L cùng có mặt; bà Bé Sa vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/3/2019 với các tài liệu kèm theo của nguyên đơn cũng như quá trình tố tụng tại tòa, ông Lâm Văn S – đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày:

Nguyên ông Lâm Phong P có đăng ký hộ kinh doanh, theo chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh lần đầu số 52H8002142 ngày 17/12/2010 của Phòng Tài chính kế hoạch huyện TT, bán vật tư nông nghiệp gồm: Phân, thuốc trừ sâu…Vợ chồng ông Trần Văn Si – bà Huỳnh Thị Bé Sa cùng con là Trần Phước L là nông dân canh tác lúa, mua vật tư gồm phân, thuốc trừ sâu tại cửa hàng vật tư của ông Phú về phục vụ canh tác. Thời gian mua từ tháng 4/2012 đến tháng 6/2013 ông Si – bà Sa cùng con là L nợ ông P tổng cộng 720.475.000 đồng không trả, mặc dù ông P đòi nhiều lần, lần sau cùng là tháng 8/2018 ông Si – bà Sa hẹn cũng không thực hiện. Nay ông P yêu cầu ông Si – bà Sa và con là L phải có trách nhiệm liên đới thanh toán ngay số tiền trên cùng với lãi chậm trả kể từ tháng 06/2013 đến khi xét xử.

Đồng bị đơn ông Trần Văn Si – bà Huỳnh Thị Bé Sa cùng trình bày:

Thừa nhận vào thời gian trên ông bà có mua vật tư nông nghiệp tại cửa hàng của ông P. Nội dung mua đúng như ông P trình bày, mục đích mua là sử dụng vào canh tác lúa. Khi mua có ghi sổ theo dỏi và khi kết sổ còn nợ ông P 720.475.000 đồng từ tháng 06/2013 đến nay. Do thu hoạch lổ lã nên không thanh toán ngay cho ông P như thỏa thuận mà kéo dài. Nay đồng ý giao đất cho ông P (theo giá thỏa thuận) để trừ nợ, nếu ông P không đồng ý thì ông bà xin trả dần mỗi năm 40.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Đối với tiền lãi thì ông bà xin giảm đứt. Riêng Trần Phước L là con sinh sống chung trong nhà, chỉ phụ giúp ông bà trong canh tác và nhận vật tư tại cửa hàng ông P thay cho ông bà, chứ không phải mua cho L, nên ông bà xin nhận trách nhiệm cá nhân trả số nợ cho ông P.

Anh Trần Phước L trình bày:

Anh sinh sống chung với cha mẹ từ nhỏ đến khi đi bộ đội năm 2010 và xuất ngũ năm 2012 về vẫn sống chung trong nhà. Trong thời gian canh tác lúa thì anh có thay mặt cha mẹ đến cửa hàng ông P nhận vật tư để phục vụ cho canh tác lúa của gia đình, nhưng việc tính sổ thì cha anh trực tiếp. Nay anh cũng thừa nhận thời gian mua bán và số nợ còn lại 720.475.000 đồng là từ tháng 6/2013 đến nay như cha anh trình bày. Nhưng do thu hoạch lỗ lã nên không trả dứt nợ cho ông P. Nay anh cũng thống nhất cùng cha mẹ anh xin giảm đứt tiền lãi, còn vốn xin trả dần mỗi năm 40.000.000 đồng đến khi dứt nợ.

Giai đoạn hòa giải, hai bên thống nhất thời gian và số nợ còn lại 720.475.000 đồng, nhưng không thống nhất về việc giảm cho tiền lãi và phương thức thanh toán.

Tại phiên tòa, ông Lâm Văn S có thay đổi một phần là chỉ yêu cầu tính lãi kể từ tháng 4/2014 mà không yêu cầu tính lãi kể từ tháng 6/2013 như trước đây.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán

cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Ông Si là người trực tiếp mua vật tư của ông P, trong quá trình mua ông L cũng đến nhận và sử dụng bón lúa phục vụ chung trong gia đình. Tiền nợ còn lại khi kết sổ là 720.475.000 đồng các bên thừa nhận, nên yêu cầu kiện của của ông P là có cơ sở. Số nợ được xác định kể từ tháng 6/2013, nhưng đến nay các ông bà Si, Sa, L không trả nên ông S – đại diện nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là có căn cứ, đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục: Bà Huỳnh Thị Bé Sa đã được triệu tập hợp lệ tham dự phiên tòa, nhưng bà có đơn xin vắng mặt, HĐXX vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bà Bé Sa theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thời hiệu – thẩm quyền: Hai bên thực hiện mua bán và số nợ còn lại từ tháng 6/2013, kể từ đó ông P đến đòi nhiều lần; lần sau cùng là tháng 8/2018 ông Si – bà Sa hẹn mà không trả, nên ngày 08/3/2019 ông P khởi kiện là còn trong thời hiệu, theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự. Ông Si – bà Sa, anh L có nơi trú tại thị trấn BC, huyện TT, nên Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung:

Hợp đồng mua bán giữa hai bên tuy không lập thành văn bản, nhưng tự thỏa thuận nhau trên nguyên tắc tự nguyện phù hợp pháp luật. Quá trình mua bán có ghi sổ theo dỏi, có kết sổ nợ được hai bên thừa nhận, nên xem là hợp đồng hợp pháp.

Giai đoạn hòa giải cũng như tại phiên tòa, ông Si, anh L thừa nhận cùng bà Sa còn nợ ông P 720.475.000 đồng, nên ông P khởi kiện là có căn cứ. HĐXX nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của ông P.

Do thỏa thuận khi mua, hẹn thu hoạch xong vụ phải thanh toán nợ, nhưng ông Si – bà Sa, anh L không thực hiện đúng, chứng tỏ đã vi phạm hợp đồng, nên theo quy định tại Điều 305 Bộ luật Dân sự, ông Si – bà Sa, anh L phải có trách nhiệm trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ cho ông P.

Lẽ ra, ông Si – bà Sa, anh L phải chịu lãi suất chậm trả từ tháng 6/2013, nhưng tại phiên tòa ông S thay đổi chỉ yêu cầu tính lãi kể từ tháng 4/2014 là có lợi cho các ông bà, nên HĐXX công nhận tự nguyện.

Tuy nhiên mức lãi suất cơ bản Ngân hàng hiện nay không còn áp dụng mà lãi suất trung bình của hạn vay 12 tháng là 10,5%/năm, trong khi lãi suất chậm trả quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015, đối với trường hợp ông P với ông Si – bà Sa, anh L từ đầu không có thỏa thuận về mức lãi, nên áp dụng theo quy định tại khoản 2

Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm là phù hợp. Cụ thể thời gian và lãi suất được tính như sau:

Số tiền nợ 720.475.000 đồng, từ tháng 4/2014 đến nay tháng 4/2019 bằng 60 tháng. 720.475.000 đồng x 10% x (60/12) = 360.237.500 đồng.

Tổng cộng vốn lãi ông Si – bà Sa, anh L phải trả cho ông P là 720.475.000 đồng + 360.237.500 đồng = 1.080.712.500 đồng.

Ông Si – bà Sa, anh L là những người sống cùng trong nhà, việc mua vật tư tại cửa hàng ông P, nhằm mục đích bón lúa sinh lợi nhuận phục vụ nhu cầu chung gia đình, nên phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông P theo quy định tại Điều 288 Bộ luật Dân sự 2015.

Tại phiên tòa, ông Si xin chịu trách nhiệm cá nhân trả cho ông P, nhưng không được ông S – người đại diện theo ủy quyền của ông P đồng ý nên HĐXX không có cơ sở chấp nhận.

Ông Si – bà Sa, anh L xin trả dần mỗi năm 40.000.000 đồng là để giai đoạn Thi hành án xem xét.

Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của ông P được chấp nhận, nên ông P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại tiền tạm ứng án phí mà ông P đã nộp; các ông bà Si, Sa, L phải cùng chịu án phí dân sự sơ thẩm theo các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 430, 440, 288 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Phong P.

Buộc ông Trần Văn Si – bà Huỳnh Thị Bé S, anh Trần Phước L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lâm Phong P 1.080.712.500 đồng *(một tỷ, không trăm tám mươi triệu, bảy trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng)*

Kể từ khi có đơn yêu cầu Thi hành án, bên phải Thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

Về án phí: Ông Trần Văn Si – bà Huỳnh Thị Bé Sa, anh Trần Phước L phải cùng chịu 44.421.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT hoàn trả cho ông Lâm Phong P 16.409.500 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0012335 ngày 12/3/2019.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/4/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ